

Kh. a h̃ c : **L̃ p h̃ c :** 35CLC1-CĐ **Ñm h̃ c :** 2013-2014 **q̃ VHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)

H̃ ñ T : **H̃ c ph̃ ñ :** 132017302106 - Thĩ k̃ J̃ X̃ ỹ d̃ ng C̃ ng **H̃ c k̃ 8 :** HK02

STT	Mã S´	L _x P SV	Hĩ Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHẫN						TBC	QUY TS: 30%	η IqM THI	QUY TS : 70%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3571010734	35CLC1-CĐ	Nguy _x n B§ An	16/02/1993	7.0						7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
2	3571010725	35CLC1-CĐ	Nguy _x n B§ TuBĩ Anh	03/06/1993	5.0						5.0	1.5	4.0	2.8	4.3	
3	3571010026	35CLC1-CĐ	Nguy _x n TuBĩ Anh	15/03/1993	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	N' HP
4	3571010385	35CLC1-CĐ	Trĩh C¹ ng Binh	08/06/1993	6.0						6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
5	3471010090	34CCD3	Nguy _x n Khđe η í p	14/02/1991	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HP
6	3571010709	35CLC1-CĐ	Phan Thanh η Ę c	26/09/1993	7.0						7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	N' HP
7	3571010743	35CLC1-CĐ	Nguy _x n Ho" ng Hĩĩ	21/06/1993	6.0						6.0	1.8	5.5	3.9	5.7	
8	3551010048	35CLC1-CĐ	Nguy _x n C¹ ng Hđu	18/10/1993	6.0						6.0	1.8	3.0	2.1	3.9	N' HP
9	3571010172	35CLC1-CĐ	Nguy _x n η _ c Hđu	05/10/1991	5.0						5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	N' HP
10	3571010703	35CLC1-CĐ	Mai Xuân HiQn	29/06/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HP
11	3571011796	35CLC1-CĐ	Lqm Vẽn HiJũ	08/08/1993	5.0						5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	N' HP
12	3571011756	35CLC1-CĐ	B¼ Trẻ ng H_ u	24/07/1993	5.0						5.0	1.5	0.0	0.0	1.5	N' HP
13	3571010692	35CLC1-CĐ	L° TiJh Khoa	13/03/1993	6.0						6.0	1.8	7.5	5.3	7.1	
14	3571010036	35CLC1-CĐ	Ho" ng Bĩo Long	14/08/1993	4.0						4.0	1.2	0.0	0.0	1.2	
15	3571010674	35CLC1-CĐ	Trẻ nh Duy Mễnh	10/03/1993	5.0						5.0	1.5	7.0	4.9	6.4	
16	3571010599	35CLC1-CĐ	Trĩh Vẽn Mong	25/01/1993	7.0						7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	N' HP
17	3471010231	34CCD1	V» NhẾ Nguyên	17/01/1991	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
18	3571010198	35CLC1-CĐ	η o" n Ho" i Nhân	17/11/1993	5.0						5.0	1.5	4.5	3.2	4.7	N' HP
19	3571010575	35CLC1-CĐ	Ng¹ Trẻ ng Nhân	02/08/1993	5.0						5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	

Kh·a h̃ c : **L̃ p h̃ c :** 35CLC1-CD **Ñm h̃ c :** 2013-2014 **η VHT :** 2
(30,0,0,0,0,0)

STT	Mã S´	L, P SV	H' Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêIN						TBC	QUY TS: 30%	η IqM THI	QUY TS : 70%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3571010373	35CLC1-CĐ	V» Trřh Nhđ	07/08/1993	5.0						5.0	1.5	6.0	4.2	5.7	N' HP
21	3571010008	35CLC1-CĐ	Nguy, n Phú c	06/09/1993	4.0						4.0	1.2	5.0	3.5	4.7	N' HP
22	3571010581	35CLC1-CĐ	Trřh Khđe Quang	20/04/1992	6.0						6.0	1.8	8.5	6.0	7.8	
23	3571010736	35CLC1-CĐ	Trđng Lđ Quang	27/08/1993	3.0						3.0	0.9	7.0	4.9	5.8	N' HP
24	3571010006	35CLC1-CĐ	Nguy, n Th' B® Rine	09/04/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HP
25	3571010727	35CLC1-CĐ	H' Qu' c S,	07/01/1992	7.0						7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	N' HP
26	3571010664	35CLC1-CĐ	η" ng Duy Tâm	25/02/1993	5.0						5.0	1.5	8.0	5.6	7.1	N' HP
27	3571010202	35CLC1-CĐ	Nguy, n Cřnh Tâm	06/10/1993	0.0						0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N' HP
28	3571010183	35CLC1-CĐ	η, Thanh Tân	08/05/1993	6.0						6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	
29	3571010696	35CLC1-CĐ	Ng¹ VỈ Minh Tân	08/04/1993	2.0						2.0	0.6	0.0	0.0	0.6	
30	3571011827	35CLC1-CĐ	Ho"ng Ng' c Tđ	26/04/1993	8.0						8.0	2.4	6.5	4.6	7.0	N' HP
31	3571010706	35CLC1-CĐ	Nguy, n Vđn Tiřh	01/05/1992	6.0						6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	N' HP
32	3571010004	35CLC1-CĐ	Phđm Minh Tuđ	29/07/1993	6.0						6.0	1.8	8.5	6.0	7.8	N' HP
33	3571010720	35CLC1-CĐ	Cao Vđn Thanh	01/05/1993	6.0						6.0	1.8	8.0	5.6	7.4	N' HP
34	3571010226	35CLC1-CĐ	Nguy, n η, c Thanh	12/02/1991	6.0						6.0	1.8	4.0	2.8	4.6	
35	3571010345	35CLC1-CĐ	H" Vđn Thđ	22/02/1993	7.0						7.0	2.1	8.0	5.6	7.7	N' HP
36	3571010698	35CLC1-CĐ	Nguy, n Vđn Thđng	20/11/1993	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
37	3571011690	35CLC1-CĐ	Trřh Tiřh Th' nh	26/06/1993	6.0						6.0	1.8	6.5	4.6	6.4	N' HP
38	3571010729	35CLC1-CĐ	Trđng Qu' c Th' nh	27/04/1993	6.0						6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	N' HP

Kh. a h c :	L p h c : 35CLC1-CĐ	Năm h c : 2013-2014	q VHT : 2 (30,0,0,0,0,0)
H n T :	H c phFn : 132017302106 - Thi kJXy d ng C ng	H c k8 : HK02	

STT	Mã S´	L, P SV	H´ Vê TạN	NGÀY SINH	η IqM THê NH PHêN						TBC	QUY TS: 30%	η IqM THI	QUY TS : 70%	η IqM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3571010084	35CLC1-CĐ	Nguyễn Văn Thông	04/11/1993	7.0						7.0	2.1	6.5	4.6	6.7	
40	3571010732	35CLC1-CĐ	Bùi Duy Trê ng	19/10/1993	6.0						6.0	1.8	8.5	6.0	7.8	Nº HP
41	3571010204	35CLC1-CĐ	Phũm Văn Vqnh	14/05/1993	3.0						3.0	0.9	0.0	0.0	0.9	Nº HP
42	3571010723	35CLC1-CĐ	Y°n Văn Vqnh	18/07/1992	5.0						5.0	1.5	5.0	3.5	5.0	
43	3571010731	35CLC1-CĐ	H° Anh VỈ	06/08/1993	6.0						6.0	1.8	7.0	4.9	6.7	

T'ng s' : 43 h' c sinh sinh vi' n

Tr'ng Khoa

Gi'ng Vi' n B' M' n

Gi'ng V' Khoa

Tp.HCM, ngà y / /